

# BÀN THÊM VỀ DÒNG HỌ MẠC Ở HÀ TIÊN VÀ ĐỐI SÁCH CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN

LÊ BÁ VƯƠNG\*  
NGUYỄN ĐÌNH CƠ\*\*

## 1. Tham vọng cát cứ của họ Mạc trên đất Hà Tiên

Đã có ý kiến đánh giá khá cao về công lao của Mạc Cửu: “Suốt hơn 40 năm cai quản đất Hà Tiên, với tài năng, đức độ và lòng nhân nghĩa, Mạc Cửu đã để lại dấu ấn khó phai mờ trong sử sách, đặc biệt trong lòng người dân của cả vùng đất Nam Bộ nói chung, Hà Tiên và Kiên Giang nói riêng” (1). Cũng có người nhận định: “Họ Mạc ở Hà Tiên chưa hề bị những kẻ cầm quyền nặng tư tưởng bành trướng Đại Hán ở Trung Quốc lợi dụng” (2). Liệu có phải hoàn toàn như vậy?! GS. Phan Huy Lê khẳng định: “Phải coi nhóm họ Mạc ở Hà Tiên là một bộ phận của người Việt gốc Hoa để đánh giá các hoạt động của họ” (3). Chúng tôi cho rằng, trước khi quy thuộc Đàng Trong, họ Mạc luôn nuôi tham vọng cát cứ ở Hà Tiên.

Tìm hiểu bối cảnh lịch sử khu vực bấy giờ cho thấy có biến động lớn mà tâm chấn từ Trung Hoa. Nhà Thanh được lập năm 1644. Nhiều người Trung Quốc thiên di khỏi Trung Hoa để lánh nạn, tìm vùng đất mới ở các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á nhằm cát cứ và chờ thời cơ “phản Thanh phục Minh”. Thực tế trên lãnh thổ

Việt Nam, người Hoa đã có mặt sớm và luôn tìm cơ hội bá chủ, cát cứ. Năm 1679, hơn 3.000 binh lính cùng gia quyến của hai nhóm người Hoa “phản Thanh, phục Minh” do Tổng binh Long Môn Dương Ngạn Địch và Phó tướng Hoàng Tiến cùng Tổng binh Cao - Lôi - Liêm là Trần Thượng Xuyên và Phó tướng Trần An Bình chỉ huy tới trước cửa biển Tư Dung (Huế) và Đà Nẵng của Đàng Trong, được chúa Hiền (Nguyễn Phúc Tần) cho vào vùng Đồng Nai - Mỹ Tho định cư. Nhưng sau đó không lâu, năm 1688, Phó tướng Hoàng Tiến nổi loạn giết chết chủ tướng của mình là Dương Ngạn Địch, “thủ hiểm đắp lũy, đúc đại bác, đóng thuyền, thả quân đi cướp bóc” (4). Năm 1692, A Ban tụ họp đồ đảng Hoa kiều cấu kết với người Chăm nổi dậy ở Bình Thuận. Hai năm sau (1694), một người Trung Quốc khác tên Linh (tự xưng là Linh Vương) nổi loạn tại Quảng Ngãi. Cũng năm này, A Ban làm loạn chống lại chúa Nguyễn lần thứ hai. Cuối năm 1788, vua Thanh lệnh cho Tôn Sĩ Nghị đem khoảng 29 vạn quân từ Lương Quảng tiến sang xâm lược Đại Việt.

Trong giai đoạn này, ở Thái Lan, một người Hán là Trịnh Chiêu (sử nhà Nguyễn chép là Trịnh Tân hay Trịnh Quốc Anh, sử

\* ThS. Trường Đại học Văn hóa Tp. Hồ Chí Minh

\*\* ThS. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Tp. Hồ Chí Minh



Xiêm chép là Phya Tak hay Plora Chao Taksin) dựa vào lực lượng người Hoa và dân Thái đánh đuổi quân Miến Điện, rồi cướp lấy chính quyền. Trịnh Quốc Anh lên làm vua, tự xưng là Somdej Ploraboromraja IV, lập ra vương triều Taksin (1767 - 1782). Chính Taksin đã xâm lược Hà Tiên. Cùng thời kỳ này (1777) tại Indonesia, một người Hoa là La Phương Bá đã tụ tập khoảng 4 vạn người Hoa cướp chính quyền ở Calimantan, lập ra La Phương Đại tổng chế Cộng hòa Quốc.

Những sự kiện diễn ra cho chúng ta thấy lúc này trong khu vực có nhiều nhóm người Hoa tràn xuống để lánh nạn, đồng thời thực hiện ý đồ nổi loạn và cát cứ. Hành động của họ Mạc ở vùng Hà Tiên không phải là bất thường của những người trong xu thế chung đó. Mạc Cửu vốn là thương nhân người Châu Lôi (tỉnh Quảng Đông) buôn bán trên vùng biển Đông, khắp các vùng Đàng Trong, Lữ Tống (Philippines), Chà Và (Indonesia), Champa, Chân Lạp. Xuất thân Trung Hoa, được giáo dưỡng dưới triều Minh. Năm 1671, khi mới 17 tuổi, mặc dù không phải là quan chức, nhưng khi nhà Minh suy vong, Mạc Cửu đã lưu trú hẳn trên đất Chân Lạp, nhận làm một Ốc Nha (5).

Trước khi Mạc Cửu tới Hà Tiên, trên lãnh thổ Chân Lạp đã có người Việt tới làm ăn sinh sống. Nhà nghiên cứu Adrien Launay cho biết: “năm 1666, người Việt và người Hoa tranh chấp ảnh hưởng với nhau ngay tại triều đình Chân Lạp” (6). Hành động chuyển cư từ Phnom Penh ra phủ Sài Mạt, Lũng Kỳ rồi Mang Khảm của Mạc Cửu hoàn toàn xuất phát từ động cơ gây dựng một cơ đồ riêng. Họ Mạc đã thực hiện ý đồ cát cứ dựa vào tình hình diễn biến thuận lợi trên vùng đất Hà Tiên. Lúc này, trên danh nghĩa được đặt dưới quyền kiểm soát của Chân Lạp, nhưng trên thực tế

Chân Lạp chưa hề và không thể quản lý trực tiếp vùng đất Hà Tiên - nơi chung sống chủ yếu của lưu dân người Việt, Hoa và Khmer. Đây là điều kiện thuận lợi để Mạc Cửu “chiêu mộ dân lưu tán người nước Việt Nam, lập nên bảy xã thôn ở các xứ Phú Quốc, Vũng Thơm, Lũng Kè, Cần Bột, Rạch Giá, Cà Mau” (7) (tức vùng đất thuộc Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và cả một phần thuộc lãnh thổ Campuchia ngày nay). Họ Mạc “bấy giờ mới phòng bị nghiêm ngặt, đắp lũy đất, đặt xích hậu xa để làm kế phòng thủ, nhiều điểm canh mà các đồn ở nơi Giang Thành và hải đảo đều đặt” (8).

Để tạo lập được một liên minh người Hoa, Mạc Cửu đã cưới Bùi Thị Lắm là một người Việt ở Mỹ Tho (Mỹ Tho lúc này do Dương Ngạn Địch quản lý). Tiếp đó, ông mang con gái gả cho Trần Đại Định, thiết lập quan hệ thông gia với Trần Thượng Xuyên ở vùng Đồng Nai. Ở đây không loại trừ âm mưu cùng liên kết nhau lại của các lực lượng người Hoa di cư trong mục tiêu tăng cường thế lực cát cứ. Họ Mạc đang cố gắng biến Hà Tiên thành một vùng đất riêng, một tiểu vương quốc. Sách “Thanh triều văn hiến thông khảo” của Trung Quốc gọi đây là “Cảng Khẩu quốc” (9). Các giáo sĩ phương Tây như Pierre Poivre gọi là “Vương quốc Ponthiamas” (10). Ý định đó xuất hiện đúng vào lúc cơ đồ thống trị của Chân Lạp đã suy yếu nghiêm trọng. Nhưng cục diện chính trị của khu vực liên tiếp bị biến động từ thế kỷ XVIII, sự lớn mạnh của Đàng Trong đã cản trở khả năng thực hiện ý đồ của họ Mạc. Năm 1708, họ Mạc buộc phải thần phục các chúa Nguyễn. “Tiểu vương quốc của họ Mạc vì thế mà hình thành chưa trọn vẹn” (11). Bất đắc dĩ phải sáp nhập Hà Tiên vào vùng đất Đàng Trong, song tham vọng cát cứ của họ Mạc chưa hoàn toàn chấm dứt. Trái lại, con đường mưu bá đồ vương của họ Mạc ngày



càng mạnh hơn. Sau khi thay cha, Mạc Thiên Tứ tích cực mở rộng khai phá những vùng đất hoang ở Long Xuyên, Kiên Giang, Trấn Giang, Trấn Di lập nên các thuộc ấp. Ông còn mở xưởng đúc tiền, “cắt đặt lại viên đứng đầu” (12), “đặt nha thuộc, tuyển quân lính, dựng thành lũy, mở mang chợ phố” (13). “Thuyền buôn Hà Tiên khi đến Hội An cũng phải nộp thuế như thuyền ngoại quốc” (14). Mạc Thiên Tứ còn nhận làm con nuôi vua Chân Lạp Nặc Tôn năm 1739, tìm cách thần phục chính quyền Đàng Trong về danh nghĩa mà thực chất chỉ muốn tạo một đối trọng trong mối quan hệ với Chân Lạp và Xiêm La. Năm 1767, Mạc Thiên Tứ còn đem hơn 20 chiến thuyền tấn công Xiêm La ở cửa Bắc Lãm (Paknam) và Vọng Các (Băng Cốc). Năm 1770, “đốc xuất năm vạn quân đi đánh Xiêm La” (15). Trên các văn kiện giao dịch với nước ngoài, Mạc Thiên Tứ đã tự xưng hiệu “Trấn quốc đại tổng chế, Chân Lạp kim tháp Thủy Lục đẳng xứ, Đại phương quân quốc, Chư vụ sự tiến lục tham liệt ba tư Triết vương Mạc” (16). Đặc biệt, họ Mạc cố gắng xây dựng cho mình một bộ đồ tư tưởng. Chiêu Anh Các đã được lập năm 1736 nằm trong kế hoạch đó. Tên gọi Chiêu Anh Các (chiêu tập, kêu gọi anh tài) cũng phản ánh mục đích liên hệ rộng rãi với kẻ sĩ, tạo nhân mạch khách khắp nơi, kể cả ở Đàng Ngoài nhưng chủ yếu từ Trung Quốc để nắm tình hình, tạo thế lực cho họ Mạc, biến Hà Tiên thành đất “dung thân” cho những người có tư tưởng li khai, cát cứ. Một thực tế là lực lượng người Việt không nhiều trong Chiêu Anh Các. Tác giả Nguyễn Ngọc Quỳnh cho biết: “Chiêu Anh Các có 36 hội viên, trong đó có 6 người Việt Nam, 3 người Minh Hương (người gốc Trung Hoa), 1 hòa thượng, 1 đạo sĩ và 25 thi nhân người Trung Hoa” (17). Tao đàn Chiêu Anh Các “thờ Khổng Tử là chuyện

ngghi lễ,... còn là trung tâm tư thực để dạy học, đào tạo” (18). Điều này cho thấy một chiến lược dùng “văn trị giáo hóa” để chiêu dân lập quốc rất bài bản của họ Mạc.

Không những không bài xích Phật giáo và Đạo giáo, cha con Mạc Cửu dựng chùa (Tam Bảo, Lũng Kỳ, Phù Dung), lập đạo quán, xây đàn Xã Tắc. Hơn nữa, Mạc Thiên Tích còn cho phép mở chủng viện Hòn Đất (một chủng viện lớn của khu vực) đào tạo giáo sĩ Thiên Chúa giáo. Đồng thời sẵn lòng che chở cho con cháu vua chúa láng giềng tị nạn cũng như lưu dân phiêu tán. Chẳng hạn, năm 1757, cháu vua Chân Lạp lúc này là Nặc Ông Dun chạy sang nương nhờ trấn Hà Tiên, “Mạc Thiên Tứ đã nhận làm con nuôi (19). Đây chỉ có thể là những hành động của một quốc vương.

Những sự việc nêu trên cho thấy rõ tham vọng của họ Mạc trong việc biến vùng đất Hà Tiên trở thành giang sơn riêng của mình. Sự suy yếu cả triều đình Chân Lạp tạo điều kiện thuận lợi cho Mạc Cửu và sau đó là Mạc Thiên Tứ có thể thực hiện được mưu đồ này. Tuy nhiên, chính sách “Đông tiến” của Xiêm, quá trình đẩy mạnh “Nam tiến” của chúa Nguyễn đã cùng gặp nhau ở Hà Tiên, tạo thế gọng kìm, buộc họ Mạc phải có sự lựa chọn để tồn tại. Bằng những chính sách khôn khéo của chúa Nguyễn, Hà Tiên đã dần trở thành một bộ phận không thể tách rời của Đàng Trong.

## 2. Chính sách của các chúa Nguyễn đối với họ Mạc

Chúa Nguyễn Hoàng “khi mới gây nghiệp ở Thuận Hóa, chỉ lấy Chiêm Thành làm nơi phụ quách, riêng sửa sang trước. Còn Chân Lạp thì trì hoãn chưa nghĩ tới” (20). Nhưng bắt đầu từ chúa Nguyễn Phúc Nguyên, vùng đất Hà Tiên được chú ý và đưa vào quy hoạch phát triển của Đàng Trong. Giai đoạn này, Chân Lạp đang trên



con đường suy tàn. Cuối thế kỷ XVII, Hà Tiên đã là điểm tụ cư đông đảo và sầm uất. Hà Tiên trên danh nghĩa thuộc đất Chân Lạp, có vị trí chiến lược: “Phía Đông giáp tỉnh An Giang, phía Tây Nam giáp biển, phía Bắc giáp tiếp Cao Miên, núi cao có Vân Sơn, sông lớn có Đông Hồ; dựa núi làm thành quách, sát biển làm hào, Bảo giang thành đỡ mặt sau; lũy Bảo Phù Anh Thị Vạn che ngang mặt sau; pháo đài Kim dư là then khóa ở cửa biển, đảo Phú Quốc là bình phong ngoài khơi... thực là nơi cửa ngõ hiểm yếu” (21).

Có người cho rằng, năm 1708 Mạc Cửu đã “tự nguyện dâng vùng đất Hà Tiên thuộc quyền cai quản của mình cho chúa Nguyễn” (22). Thực tế cho thấy, việc Mạc Cửu đem đất Hà Tiên quy thuộc Đàng Trong là hành động ở tình thế bất đắc dĩ trước đường lối khôn khéo của các chúa Nguyễn. Họ Mạc nhận một chức quan tại Hà Tiên rõ ràng muốn xây dựng một giang sơn độc lập với chính quyền Chân Lạp và đương nhiên càng không muốn phụ thuộc vào chúa Nguyễn. Nhưng Hà Tiên nằm giữa Xiêm La, Chân Lạp và Đàng Trong trước tham vọng thôn tóm Chân Lạp của Xiêm La và Đàng Trong. Tiềm lực họ Mạc nhỏ bé, lại nằm ở “vùng đệm”, không tránh khỏi tình trạng tranh chấp giữa các bên và khó giữ được Hà Tiên. Nhưng họ Mạc sẽ hướng về bên nào: Xiêm La, Chân Lạp hay Đàng Trong để bảo toàn những thành quả của mình? Họ Mạc hiểu tham vọng và ý đồ thôn tính Hà Tiên của Xiêm La. Trên thực tế, vua Xiêm đã nhiều lần đem quân tiến về hướng đông. Các năm 1679, 1687, 1715, 1739, 1769, 1771, 1772, 1777, 1781 Hà Tiên đã bị quân Xiêm tàn phá. Đặc biệt, năm 1687, quân Xiêm tấn công vào Hà Tiên và bắt Mạc Cửu đưa về Xiêm. “Phải hơn 10 năm sau, Mạc Cửu mới lập mưu, trốn thoát và trở lại vùng đất Hà Tiên” (23).

Trong khi đó, với địa vị là một Ốc Nha ở Chân Lạp, hơn ai hết, Mạc Cửu nhận thấy rất rõ sự yếu thế của vương quốc này. Chân Lạp ngày càng suy yếu, trong nội bộ hình thành hai phái. Quốc sử quán triều Nguyễn xác nhận tình trạng “anh em tự tranh chấp với nhau, không nhờ được ta thì chạy sang Tiêm, không nhờ được Tiêm thì chạy sang ta” (24). Hơn thế, những cuộc xâm lược của Chân Lạp các năm 1717, 1770, 1739 cho thấy việc dựa vào Chân Lạp để tồn tại và phát triển là không tương đối với họ Mạc.

Hà Tiên sớm đã là một trung tâm phát triển. Khác hẳn với khung cảnh đó, “ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ cửa biển Cần Giuộc, Lôi Lạp, cửa Đại, cửa Tiểu vào toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm” (25). Tuy nhiên, bằng đường lối mở cõi đúng đắn, “từ thế kỷ XVII, đồng bằng sông Hồng đã không còn là trung tâm duy nhất của văn minh Việt Nam. Một bức tranh hoàn toàn mới đã được phác họa” (26). Lưu dân Việt từ vùng Ngũ Quảng tỏa xuống khai khẩn đất đai, lập làng xóm khắp vùng đất Đông Nam Bộ rồi tiến xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bằng con đường hòa bình, lưu dân Đàng Trong như những dòng phù sa êm ả bồi đắp khắp đất Nam Bộ. Đàng Trong đang phát triển mạnh mẽ, cương vực mở rộng về phía Nam. Năm 1620, trên tinh thần hữu hảo, chúa Nguyễn Phúc Nguyên chủ động gả công nữ Ngọc Khoa cho vua Champa (Po Rome) và công nữ Ngọc Vạn cho quốc vương Chân Lạp (Chey Chatta II). Cuộc hôn nhân của Ngọc Khoa giúp chúa Nguyễn thôn tóm Champa, còn cuộc hôn duyên của Ngọc Vạn lại mang cho Đàng Trong cơ hội lớn trên vùng đất Chân Lạp. Đến năm 1623, Đàng Trong đã có thể đặt trạm thu thuế ở Prey Nokor (Sài Gòn), Kas Krobey (Bến Nghé) và một dinh điền ở Mô Xoài mang đầy đủ tính



pháp lý. Năm 1674, chính quyền Đàng Trong “phong cho Nặc Nộn làm nhị quốc vương. Ở thành Sài Côn, vẫn phải sang tiến cống như cũ” (27). Năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần “Việt hóa” hai nhóm người Hoa của Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch (vốn là lực lượng cướp biển Trung Hoa) bằng biện pháp khôn khéo: “đặt yến tiệc đãi, an ủi,... khiến vào ở đất Đông Phố để mở mang đất ấy” (28). Phủ Gia Định được lập năm 1698 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình mở cõi của các chúa Nguyễn, đưa lãnh thổ Đàng Trong tiệm cận Hà Tiên. Dưới sự tổ chức quản lý của các chúa Nguyễn, dòng người Hoa lưu vong, người Việt và các nhóm người khác có được sự yên ổn định cư để hưng gia phát nghiệp. Trịnh Hoài Đức ghi lại: “lưu dân người ta cùng người Đường (Trung Quốc), người Tây Dương, người Cao Miên, người Đồ Bà (Indonesia) đến kiều ngụ đông chung lộn, mà y phục khí dụng đều đều theo tục từng nước” (29). Quốc sử quán triều Nguyễn cũng xác nhận: “thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập, do đó mà phong hóa Hán thấm dần vào đất Đông Phố” (30). Sự lớn mạnh của Đàng Trong đã tạo ra ảnh hưởng lan xa tới những nơi mà có thể số lượng người Việt chiếm một tỉ lệ khiêm tốn. Người Việt đến đâu chủ quyền lãnh thổ của Đàng Trong được xác lập đến đó. Giai đoạn này các chúa Nguyễn rất chú ý tận dụng “sức mạnh mềm” qua kênh ngoại giao - chính trị để Nam tiến. Hình ảnh Đàng Trong hoàn toàn trái ngược với Xiêm La và Chân Lạp, có sức hấp dẫn nhất định, làm Mạc Cửu ngày càng nhận thấy không thể không dựa vào chính quyền các chúa Nguyễn.

Mặt khác, trong thiết chế chính trị - văn hóa, các chúa Đàng Trong dùng Nho giáo

làm hệ tư tưởng chính thống cho đường lối trị nước trong khi vẫn xiển dương Phật giáo Đại Thừa và Đạo giáo, không khắt khe với Thiên Chúa giáo. Họ Mạc nhận ra ở Đàng Trong có nhiều nét tương đồng hơn so với mô hình nhà nước chuyên chế lấy Phật giáo Tiểu Thừa làm quốc giáo ở Chân Lạp hay Xiêm La. Mưu sĩ họ Tô đã tư vấn cho Mạc Cửu: “Người Cao Miên bản tính bạc bẽo, hay mưu mô dối trá, hiếm kẻ trung thành chất phác, tình thế không thể nương nhờ họ lâu dài được. Chi bằng sang nước Đại Việt phương Nam, gõ cửa khuyết xưng thần để tạo ra một chỗ dựa căn bản vững chắc, vạn nhất nếu xảy ra chuyện gì thì có thể cậy nhờ cứu giúp” (31). Chính các yếu tố khách quan và chủ quan đó đã dẫn đến một quyết định có tính lịch sử của Mạc Cửu vào năm 1708 là dâng vùng đất Hà Tiên cho Đàng Trong nhưng vẫn cố “xin được đứng đầu trông coi đất ấy” (32) để duy trì tính cát cứ.

Cơ hội đến với các chúa Nguyễn nhưng thời điểm này chính quyền Đàng Trong chưa đủ vững trên đất Nam Bộ, chưa đủ tiềm lực để thôn tóm ngay Hà Tiên. Tất nhiên không thể bỏ lỡ thời cơ, chúa Nguyễn Phúc Tần khôn khéo hợp thức hóa vùng đất này bằng quyết định cho Mạc Cửu làm “Tổng binh trấn Hà Tiên và phong tước Cửu Ngọc Hầu” (33). Giai đoạn này yếu tố cộng sinh chiếm ưu thế trong đối sách của chính quyền Đàng Trong. Dựa vào Đàng Trong, họ Mạc có đồng minh hậu thuẫn, trong khi các chúa Nguyễn sẽ thêm hy vọng mở rộng lãnh thổ. Bảo hộ họ Mạc ở Hà Tiên các chúa Nguyễn được coi là “chính nghĩa” giúp đỡ kẻ yếu thế. Đồng thời tận dụng được lực lượng Hoa kiều và lưu dân Việt (đang dần chiếm đa số ở đây) trong công cuộc khai phá vùng đất Cửu Long giang, bảo vệ biên cương trước âm mưu thôn tính của Xiêm La và Chân Lạp. Bằng



việc phong tước cho Mạc Cửu, Nguyễn Phúc Tần đã biến Hà Tiên trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc Đàng Trong, Hà Tiên là lãnh địa của họ Mạc nhưng cũng là lãnh thổ của Đàng Trong - một đơn vị hành chính đặc biệt. Tính chất tự trị của Hà Tiên được Đàng Trong chấp nhận thể hiện ở việc cho Mạc Cửu quyền tự quản, hưởng chế độ thế tập, cho dùng ấn riêng. Từ tổ chức bộ máy quan lại địa phương, tổ chức quân sự đến chế độ thuế, chúa Nguyễn đều giao cho họ Mạc tự quyết và xem Hà Tiên như vùng “đất phụ thuộc”. Ngay cả lần Chân Lạp cầu cứu Xiêm La tấn công Hà Tiên năm 1715, sử liệu triều Nguyễn cũng không cho thấy sự can thiệp, trợ giúp đặc lực của chúa Nguyễn.

Sau năm 1715, chúa Nguyễn mới chú ý đặc biệt đến đất Hà Tiên, quan tâm động viên, trợ giúp họ Mạc kịp thời trong việc bố phòng lãnh thổ. Năm 1736, chúa Nguyễn Phúc Khoát tiến thêm một bước thu tóm Hà Tiên khi phong cho Mạc Thiên Tứ làm Hà Tiên Trấn Đô đốc, “cho 3 thuyền long bài, được miễn thuế” (34). Mười một năm sau (1747), chúa Nguyễn Phúc Khoát vẫn cho “Hà Tiên lại biệt làm một trấn, thuộc chức Đô đốc” (35). Đặc biệt, còn ban cho Mạc Thiên Tứ 4 đạo sắc để phong cho các viên cai đội, đội trưởng ở trấn. Trấn là nơi địa đầu biên cương, nơi hiểm yếu, bộ máy quản lý là chính quyền quân quản. Tính tự trị của Hà Tiên vẫn còn, có người gọi đây là “lãnh địa tự quản thế tập” (36). Cơ chế này được duy trì đến tận năm 1759. Tuy nhiên, Hà Tiên lúc này hoàn toàn không giống với các thuộc quốc hay chư hầu bởi trên thực tế về mặt danh chính ngôn thuận, đây là một trấn đứng đầu biên viễn của Đàng Trong. Bản thân Mạc Thiên Tứ không phải là một quốc vương nữa mà đã trở thành một viên quan của Đàng Trong (Tổng trấn, Đô đốc). Chính vì vậy, tính chất “chư hầu” hay “thuộc quốc”

của Hà Tiên đã mất. Năm 1739, chúa Nguyễn Phúc Khoát “sắc cho điều khiển Gia Định rằng, hễ Hà Tiên có tin báo động thì phải tiếp ứng mau” (37). Năm 1772, khi Nguyễn Cửu Khôi không cứu viện Hà Tiên lúc này đang bị quân Xiêm xâm chiếm đã bị giáng chức Điều khiển xuống làm Cai đội. Ngay sau đó, chúa Nguyễn Phúc Thuần sai Nguyễn Cửu Đàm tiến quân bảo vệ vùng Hà Tiên, “thu phục các phủ Nam Vang, La Bích, đưa Nặc Tôn trở về nước. Chân Lạp được dẹp yên” (38). Điều này minh chứng cho việc coi trọng Hà Tiên của chính quyền Đàng Trong.

Mặt khác, chính quyền Đàng Trong muốn dùng lực lượng của họ Mạc ở Hà Tiên làm vai trò tiên phong bảo vệ biên cương. Thực tế cho thấy, họ Mạc đã thực hiện đúng theo ý đồ của các chúa Nguyễn. Năm 1739, Nặc Bôn nước Chân Lạp xâm lược Hà Tiên, bị Thiên Tích đánh bại. “Được tiếp báo, Chúa khen thưởng, cho làm Đô đốc đại tướng quân, ban cho áo bào màu đỏ, mũ, đai. Người vợ Việt Nam của ông có công đốc suất vợ lính chuyển vận lương thực cũng được phong làm Phu nhân (39).

Đặc biệt, với chính sách của mình, các chúa Nguyễn đã biến họ Mạc làm cầu nối để hợp thức hóa vùng đồng bằng Cửu Long. Mạc Thiên Tứ lập ra Trấn Giang (tại Cần Thơ ngày nay), tạo cơ sở để năm 1757 chúa Nguyễn Phúc Khoát sáp nhập hai vùng đất Trà Vang (Trà Vinh và Bến Tre), Ba Sắc (gồm Sóc Trăng và Bạc Liêu) vào lãnh thổ Đàng Trong: “Chúa phong Tôn làm quốc vương Chân Lạp, sai Thiên Tứ hộ tống về nước, Tôn bèn hiến đất Tầm Phong Long (40), lại cắt đất 5 phủ Vũng Thơm (Kompong Som), Cần Vọt (Kampot), Chư Rùm (Chan Sum), Sài Mạt (Bantay Mas), Linh Quỳnh (Raung Veng) để tạ riêng Thiên Tứ” (41). Năm phủ này ngày nay thuộc đất Campuchia: Vũng Thơm còn



được gọi là Hương Úc (nay thuộc tỉnh Shihanouk), Cần Vọt (nay thuộc tỉnh Kampot), Chưng Rùm (nay thuộc huyện Chkuk, tỉnh Kampot), Sài Mạt (nay thuộc huyện Banteay Meas, tỉnh Kampot), Linh Quỳnh (nay thuộc huyện Chum Kiri, tỉnh Kampot). “Thiên Tứ hiến cho chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn cho lệ thuộc năm phủ ấy vào hạt Hà Tiên. Thiên Tứ lại xin đặt Giá Khê làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu tập dân cư, làm cho địa giới Hà Tiên ngày càng thêm rộng” (42).

Có thể khẳng định rằng: “Với sự giúp đỡ của người Tàu ở Hà Tiên, người An Nam thấy mình là chủ nhân không cãi được của cả miền Tây xứ Nam Kỳ” (43).

### 3. Kết luận

Họ Mạc chọn Hà Tiên xây dựng một vùng cát cứ, nuôi tham vọng biến nơi đây làm một tiểu vương quốc. Tuy nhiên, do tác động của thời cuộc và muốn bảo toàn thành quả, cha con Mạc Cửu đã chọn con đường nương nhờ Đàng Trong.

Dựa vào thế và lực ngày càng mạnh, các chúa Nguyễn đã thực hiện một đối sách chiến lược đúng đắn trong bối cảnh cả Chân Lạp, Xiêm La và Đàng Trong đều theo đuổi lợi ích của mình trên vùng đất này. Chính

sách mềm dẻo, linh hoạt đối với Hà Tiên của Đàng Trong theo phương châm “dân đi trước, nhà nước theo sau”, các chúa Nguyễn đã tuyên bố được chủ quyền trên vùng lãnh địa của họ Mạc. Quá trình biến Hà Tiên trở thành một bộ phận của lãnh thổ Đàng Trong được thực hiện theo công thức: mở rộng đất đai, lập xóm làng, thôn ấp ổn định rồi mới tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính cấp cao hơn, cuối cùng là tuyên bố chủ quyền lãnh thổ. Kết quả dẫn đến mối quan hệ giữa Hà Tiên với Đàng Trong dần dần có sự thay đổi, điều chỉnh qua thời gian theo hướng Hà Tiên từ một địa phương mang tính tự trị tương đối cao nhưng dần trở thành một trấn, cuối cùng là phần lãnh thổ không thể tách rời của Đàng Trong.

Công cuộc Nam tiến nói chung, sáp nhập vùng đất Hà Tiên nói riêng của các chúa Nguyễn cho thấy vấn đề chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia luôn là vấn đề lớn, chi phối sự ổn định và phát triển của đất nước. Những đối sách của chính quyền Đàng Trong ở vùng Hà Tiên cho đến nay vẫn mang tính thời sự giúp chúng ta tham chiếu từ quá khứ, từ đó có thể đưa ra đường lối phù hợp góp phần bảo vệ vững chắc lãnh thổ quốc gia, ổn định đời sống nhân dân vùng biên giới của Tổ quốc Việt Nam.

## CHÚ THÍCH

(1). Võ Văn Sen. (chủ biên), *Nam Bộ đất & người*, tập VIII, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 2011, tr.81.

(2), (3). *Sở Văn hóa và Thông tin Kiên Giang, 250 Tao đàn Chiên Anh các (1736 - 1986)*, Kiên Giang, 1987, tr. 45, 41.

(4), (30), (42). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.92, 91, 166.

(5). Trong tổ chức bộ máy nhà nước Chân Lạp Ốc Nha - Okna chỉ một chức quan trấn thủ có vai trò như một lãnh chúa độc lập ở địa phương (dẫn theo Nguyễn Văn Nguyên (dịch và chú giải), *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 37.

(6). Adrien Launay, *Histoire de la Mission de Cochinchine 1658 - 1823*, Document Historiques, Pari,-1923, cheapte I, p.72 .



(7). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr.120, 70.

(9). *Thanh triều kiến văn thông khảo* (清朝見聞通考) quyển 297, Tứ duệ, Bản chữ Hán lưu tại Thư viện Khoa Sử, Đại học KHXH&NV Hà Nội, tr.7463.

(10), (11). Sở Văn hóa và Thông tin Kiên Giang, *250 Tao đàn Chiên Anh các (1736 - 1986)*, Kiên Giang, 1987, tr.161, 45.

(12). Nguyễn Văn Nguyên (dịch và chú giải), *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr.45.

(13), (34), (39), (41). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Nxb. Thuận Hóa, Hà Nội, 1993, tr.175, 175, 174, 173.

(14), (25). Lê Quý Đôn, *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập I, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.67, 37.

(15). Nguyễn Văn Nguyên (dịch và chú giải), *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 50.

(16). Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, *Kỷ yếu hội thảo: Nam Bộ và Nam Trung Bộ - những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII - XIX*, Nxb. Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, 2002, tr.174.

(17). Nguyễn Ngọc Quỳnh, "Dòng họ Mạc và Phật giáo ở Hà Tiên thời chúa Nguyễn", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2 - 2006, tr. 45.

(18). Sở Văn hóa và Thông tin Kiên Giang, *250 Tao đàn Chiên Anh các (1736 - 1986)*, Kiên Giang, 1987, tr.160.

(19). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb. tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr.121.

(20), (24), (27). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - chính biên*, tập 1, 2, (Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2014, tr. 568, 571, 569.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Nhà văn hóa Bộ Quốc Gia giáo dục, Sài Gòn, 1959, tập 5, tr. 9.

(22). Ngô Văn Lệ: "Vùng đất Hà Tiên với việc mở rộng Dinh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của chúa Nguyễn ở Nam Bộ", trích trong: Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Thành phố Hồ Chí Minh hướng về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2010, tr. 674.

(23). Đặng Văn Chương, *Quan hệ Thái Lan Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - giữa thế kỷ XIX*, Nxb. Trường Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010, tr. 12.

(26). Li Ta Na, *Xứ Đàng Trong, lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, (Nguyễn Nghị dịch), Nxb. Trẻ, Hà Nội, 1999, tr.16.

(28). Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 - 1777*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr.316.

(29), (32), (33). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2006, tr. 215, 159, 159.

(31). Nguyễn Văn Nguyên (dịch và chú giải), *Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr.39.

(35), (37), (38). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục - tiền biên*, tập 1, (Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.153, 241, 177.

(36). Đỗ Quỳnh Nga, *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.128

(40). Địa danh này xuất phát từ Kompong Luông theo tiếng Khmer, có nghĩa là bến, vũng, sông của vua, là vùng đất giữa sông Tiền và sông Hậu, trải dài từ Châu Đốc xuống tận Bạc Liêu.

(43). Paul BauDet, *Công cuộc chinh phục xứ Nam kỳ của nhà Nguyễn và vai trò của những người Tàu di cư*, (bản dịch đánh máy), bản lưu tại Phòng tư liệu trường Đại học khoa học xã hội & nhân văn, Hà Nội, 1863, tr.21.